

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒACỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 321/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 119/TTr-HKRT ngày 25 tháng 12 năm 2025 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 425/TTr-SNV ngày 14 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa đã được Đại hội đại biểu Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa lần thứ V, nhiệm kỳ 2025-2030 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều lệ Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Hội Karatedo tỉnh

Khánh Hòa, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI KARATEDO TỈNH KHÁNH HÒA
(Kèm theo Quyết định số 321/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa.
- Tên tiếng nước ngoài: Khanh Hoa Karatedo Association.
- Tên tiếng Việt được viết tắt là: HKRT
- Biểu tượng:



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tập hợp các tổ chức, cá nhân ham thích tập luyện môn võ Karate, tự nguyện thành lập nhằm góp phần cho sự phát triển, nâng cao vị thế của Karatedo Khánh Hòa trong nước và Quốc tế.

2. Hội hoạt động với mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả. Đồng thời tuyên truyền, vận động, tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia tập luyện, thi đấu môn thể thao môn võ Karate theo quy định của pháp luật nhằm mục đích giáo dục rèn luyện thể chất, phát triển tài năng, không ngừng nâng cao thành tích, phục vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại của tỉnh Khánh Hòa, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: Số 141 Lương Định Của, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Khánh Hòa, trong lĩnh vực thể dục thể thao nói chung và môn võ Karate nói riêng.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa, Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa và các sở, ban ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc và tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội

Chương II**QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ****Điều 6: Quyền hạn**

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về

các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. (đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước)

11. Thực hiện các quyền khác theo quy định pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm

tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam đang học tập, công tác, sinh sống trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa yêu thích karatedo và được công nhận tham gia tập luyện, huấn luyện karatedo, muốn được đóng góp công sức, tài chính của mình cho sự phát triển karatedo, đồng thời tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí theo quy định điều được xem xét công nhận là hội viên chính thức của Liên đoàn.

Hội viên cá nhân có thể đồng thời là hội viên của Hội và là hội viên của các hội viên tổ chức.

b) Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam, người Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có đóng góp lớn cho sự phát triển của Hội, không vi phạm pháp luật Việt Nam thì có thể công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn của hội viên chính thức:

- Là công dân Việt Nam.
- Tự nguyện xin gia nhập Hội.
- Tán thành và tuân thủ Điều lệ của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

10. Được tham gia mọi hoạt động của Hội khi được Hội triệu tập.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Khi không còn hoạt động ở Hội phải bàn giao lại công việc và tài chính, tài sản có liên quan.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Tổ chức và cá nhân quy định tại Điều 8 của Điều lệ này nếu có nguyện vọng trở thành hội viên của Hội phải nộp hồ sơ đề nghị được gia nhập Hội tại Văn phòng Hội theo quy định tại khoản 2, khoản 3 của điều này.

2. Đối với hội viên tổ chức:

a) Đơn đăng ký tham gia hội (theo mẫu do Hội quy định).

b) Bản sao Điều lệ, quyết định thành lập, giấy phép cho phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định của tổ chức xin gia nhập Hội.

c) Danh sách Lãnh đạo chủ chốt của tổ chức và công văn cử đại diện của tổ chức tham gia Hội.

d) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội, luật thi đấu, các quy định khác của Hội.

đ) Nộp hội phí theo quy định của Hội.

3. Đối với hội viên cá nhân:

a) Đơn đăng ký tham gia Hội (theo mẫu do Hội quy định).

b) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội, luật thi đấu, các quy định khác của Hội.

c) Nộp hội phí theo quy định của Hội.

4. Việc công nhận hội viên của Hội do Ban chấp hành Hội xem xét, quyết định.

5. Thủ tục ra Hội

a) Khi xét thấy không thể tiếp tục tham gia, muốn ra khỏi Hội, hội viên phải có đơn gửi Ban chấp hành Liên đoàn, Ban chấp hành sẽ xem xét, quyết định.

b) Ủy viên Ban chấp hành Hội xin ra khỏi Hội phải có đơn và được đưa ra cuộc họp Ban chấp hành xem xét quyết định.

c) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Liên đoàn.

d) Hội viên không sinh hoạt trong 06 tháng thì bị xóa tên trong danh sách hội viên của Hội. Ủy viên Ban chấp hành nếu không sinh hoạt 2 kỳ liên tiếp mà

không có lý do chính đáng thì bị xóa tên trong danh sách Ban chấp hành đồng thời phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Hội.

đ) Hội viên tổ chức sau 01 (một) năm không báo cáo kết quả hoạt động sẽ bị nhắc nhở và 2 năm liên tục vẫn vi phạm thì coi như ra khỏi tổ chức Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn .
6. Các tổ chức thuộc Hội (chi hội, câu lạc bộ)

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan Lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội;

c) Thảo luận, góp ý kiến và báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo của Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội;

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức bỏ phiếu do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành;

5. Hội nghị thường niên

Căn cứ vào tình hình hoạt động cụ thể, Hội có thể tổ chức hội nghị thường niên của Hội một năm một lần để tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong năm và thông qua phương hướng hoạt động của năm tới.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành.

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, Lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa 2 kỳ đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật, các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 04 (bốn) lần, có thể họp bất thường yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các Phó Tổng Thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không quá 1/3 số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị, câu lạc bộ theo nghị quyết của Ban Chấp hành, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị, câu lạc bộ thuộc sự quản lý của Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban kiểm tra do Đại hội quyết định. Trưởng Ban kiểm tra do Ban kiểm tra bầu trực tiếp trong số các ủy viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của tổ chức, đơn vị, câu lạc bộ thuộc sự quản lý của Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành

bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội và phải nhận được quá bán thành viên Ban Chấp hành đồng ý. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội.

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản quan trọng của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Chủ tịch được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch Hội;

3. Phó Chủ tịch Hội do Chủ tịch đề cử trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội và phải nhận được hơn $\frac{1}{2}$ (quá bán) số lượng thành viên Ban Chấp hành đồng ý. Phó Chủ tịch Hội có quyền hạn, nhiệm vụ sau:

a) Phó chủ tịch Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội về lĩnh vực hoạt động do Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền;

b) Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội về lĩnh vực hoạt động theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội;

c) Phó Chủ tịch được ký thay Chủ tịch ký một số văn bản do Chủ tịch Hội ủy nhiệm.

Điều 18. Tổng thư ký

Tổng thư ký do Chủ tịch Hội đề cử trong số các ủy viên Ban Chấp hành và được hơn $\frac{1}{2}$ (quá bán) số lượng thành viên Ban Chấp hành đồng ý. Tổng thư ký có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Tổng thư ký chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch về hoạt động của Văn phòng Hội;
- b) Tổng thư ký là người điều hành các hoạt động của Văn phòng Hội, chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và Chủ tịch về các hoạt động của Hội;
- c) Chịu trách nhiệm về công tác hành chính, kế hoạch, tổng hợp của Hội; chuẩn bị báo cáo hằng tháng, quý, năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành;
- d) Đảm bảo mối quan hệ với Liên đoàn Karatedo Việt Nam (nếu có), Liên đoàn, Hội Karatedo các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan và các tổ chức thể thao khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Tổng thư ký được thừa lệnh Chủ tịch ký một số văn bản do Chủ tịch Hội ủy quyền.

Điều 19. Văn phòng, các ban chức năng, các tổ chức trực thuộc Hội

1. Ban Chấp hành Hội căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ công tác để quyết định thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
2. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên đoàn

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, các nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản Hội

Tài sản Liên đoàn bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII**KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT****Điều 23. Khen thưởng**

1. Tổ chức đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen

thường hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Liên đoàn thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ quyền sinh hoạt có thời hạn hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội đại biểu Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải nhận được hơn ½ (quá bán) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa gồm 08 Chương, 26 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Karatedo Khánh Hòa lần thứ V, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Karatedo tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. Các hội viên, tổ chức trực thuộc Hội có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này./.